

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN H
TỈNH KIÊN G**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2018/DSST
Ngày 28/9/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN H, TỈNH KIÊN G

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đình Khắc Việt**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Danh Vũ** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân H tham gia phiên toà:* không tham gia.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2017/TLST-DS ngày 08/11/2017 về vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 10/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST – DS ngày 21/9/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Vũ Mạnh L**, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 211, Tổ 07, khu phố Đông Hưng, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh **Vũ Đức M**, sinh năm 1986 (*có mặt*)

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 25/9/2018.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm 1982 (*vắng mặt*)

(vợ) Chị **Trần Thị Hồng Đ**, sinh năm 1984 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Kinh 9A, xã Thạnh Đông, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Vũ Đức M trình bày:*

Trước đây cửa hàng của ông Vũ Mạnh L có bán thuốc bảo vệ thực vật cho vợ chồng anh L1 chị Đ để về sản xuất nông nghiệp với hình thức sau khi thu hoạch lúa xong sẽ thanh toán tiền, thời gian đầu anh L1 chị Đ thanh toán đúng theo thỏa thuận, tuy nhiên từ năm 2013 thì anh L1 chị Đ thanh toán không đầy đủ, anh L1 chị Đ tiếp tục mua hàng của ông L, tính đến ngày 04/02/2016 vợ chồng anh L1 chị Đ còn nợ của ông L số tiền là 57.759.000 đồng, các lần vợ chồng anh L1 chị Đ mua hàng thì anh L1 chị Đ đều có ký nhận vào sổ của cửa hàng, khi anh L1 chị Đ không trả tiền thì ông L có đến đòi vợ chồng anh L1 chị Đ trả tiền nhiều lần nhưng vợ chồng anh L1 chị Đ chỉ hứa hẹn mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh L1 chị Đ trả cho ông L số tiền còn nợ là 57.759.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*) không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần.

Đối với bị đơn vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng anh L1 chị Đ không có ý kiến gì, cũng không có yêu cầu phản tố và vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ với tư cách là bị đơn, vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vợ chồng anh L1 chị Đ vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa ông Vũ Mạnh L và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L và anh M đại diện theo ủy quyền của ông L thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, anh M chỉ yêu cầu vợ chồng anh L1 chị Đ trả cho ông L số tiền gốc là 57.759.000 đồng, không yêu cầu tính

lãi theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của ông L không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của ông L yêu cầu vợ chồng anh L1 chị Đ trả số tiền còn nợ là 57.759.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*). Hội đồng xét xử xét thấy, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông L đã cung cấp cho Tòa án sổ khi mua hàng anh L1 chị Đ đã ký nhận, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L và anh M đại diện theo ủy quyền của ông L xác nhận chữ ký trong sổ mua hàng là của anh L1 chị Đ. Do anh L1 chị Đ không thực hiện việc trả nợ nên ông L yêu cầu vợ chồng anh L1 chị Đ có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền còn nợ. Xét thấy nội dung yêu cầu của ông L là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phía vợ chồng anh L1 chị Đ, trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng anh L1 chị Đ không tham dự, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do ông L cung cấp và cũng không có yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 buộc vợ chồng anh L1 chị Đ có nghĩa vụ trả cho ông L số tiền là 57.759.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Ông L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 57.759.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Án phí tính như sau: 57.759.000 đồng x 5% = 2.887.950 đồng, làm tròn thành 2.887.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

- Yêu cầu của ông L được chấp nhận nên ông L không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí 1.443.975 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007655 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc vợ chồng anh L1 chị Đ phải nộp 2.887.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 351, 430, 440 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Mạnh L.

2. Buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ trả cho ông Vũ Mạnh L số tiền là 57.759.000 đồng (*Năm mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả lại cho ông Vũ Mạnh L số tiền tạm ứng án phí 1.443.975 đồng (*Một triệu bốn trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007738 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân H, tỉnh Kiên G.

- Buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ phải nộp 2.887.000 đồng (*Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vợ chồng anh Nguyễn Ngọc L1 chị Trần Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Kiên G;
- VKS nhân dân huyện Tân H;
- Chi cục THA huyện Tân H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái